

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
ĐẾN Số: 2925/.....
Ngày 15/11/2015

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2925 /BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2015

V/v lấy ý kiến góp ý Dự thảo Thông tư quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và PTNT

Kính gửi: - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW,
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố.

Thực hiện Luật Cán bộ, công chức; Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Dự thảo Thông tư quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm các chuyên ngành:

- Kiểm dịch động vật;
- Kiểm dịch thực vật;
- Kiểm soát viên đê điều;
- Kiểm lâm;
- Kiểm ngư viên;
- Thuyền viên tàu kiểm ngư.

Để triển khai xây dựng Thông tư theo quy định, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị Bộ Nội vụ có ý kiến về dự thảo Thông tư. Ngày 09/02/2015, Bộ Nội vụ có Công văn số 749/BNV-CCVC đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng ban hành một thông tư quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, không xây dựng chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch "cao cấp" đối với công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Thực hiện quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin gửi Dự thảo Thông tư lấy ý kiến góp ý của các Bộ, Ngành ở Trung ương và địa phương. Ý kiến góp ý của Quý cơ quan bằng văn bản gửi về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (qua Vụ Tổ chức cán bộ), địa chỉ số 2, Ngọc Hà - Ba Đình - Hà Nội trước ngày 15/6/2015 (xin gửi kèm file điện tử theo địa chỉ Email: bayav.tccb@mard.gov.vn). Dự thảo Thông tư được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ WWW.mard.gov.vn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, TCCB.



Hà Công Tuấn

Số: 749 /BNV-CCVC

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2015

V/v xây dựng thông tư quy định chức danh, mã số ngạch công chức ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trả lời Công văn số 747/BNN-TCCB ngày 23/01/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc cho ý kiến vào dự thảo Thông tư quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Nội vụ có ý kiến như sau:

1. Thống nhất với đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc nghiên cứu xây dựng ban hành một thông tư quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Trong quá trình nghiên cứu, xây dựng dự thảo Thông tư, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham khảo quy định tại Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính để bảo đảm cân đối về kết cấu, nội dung, tiêu chuẩn cụ thể đối với các ngạch công chức.

3. Các ngạch công chức chuyên ngành do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý đều là các ngạch công chức thực thi thừa hành pháp luật. Vì vậy đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không xây dựng chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ ngạch "cao cấp" đối với công chức chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Trên đây là ý kiến của Bộ Nội vụ, đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ CCVC (03 bản).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CÔNG CHỨC – VIÊN CHỨC

Nguyễn Tiến Trung

Số: /2015/TT-BNV

Hà nội, ngày tháng năm 2015

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

*Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
Căn cứ Nghị định số 61/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số...../BNN-TCCB ngày tháng năm 200.. về việc quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chức danh, mã số ngạch, chức trách, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nghiệp vụ chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Chương II **CHỨC DANH, MÃ SỐ NGẠCH CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC CHUYÊN NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Điều 3. Chức danh, mã số ngạch công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, gồm:

1. Kiểm dịch động vật

a) Kiểm dịch viên chính động vật

Mã số ngạch:

- | | |
|-------------------------------------|--------------|
| b) Kiểm dịch viên động vật | Mã số ngạch: |
| c) Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật | Mã số ngạch: |
| 2. Kiểm dịch thực vật | |
| a) Kiểm dịch viên chính thực vật | Mã số ngạch: |
| b) Kiểm dịch viên động thực vật | Mã số ngạch: |
| c) Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật | Mã số ngạch: |
| 3. Kiểm soát viên đê điều: | |
| a) Kiểm soát viên chính đê điều | Mã số ngạch: |
| b) Kiểm soát viên đê điều | Mã số ngạch: |
| c) Kiểm soát viên trung cấp đê điều | Mã số ngạch: |
| 4. Kiểm lâm: | |
| b) Kiểm lâm viên chính | Mã số ngạch: |
| c) Kiểm lâm viên | Mã số ngạch: |
| d) Kiểm lâm viên trung cấp | Mã số ngạch: |
| e) Kiểm lâm viên sơ cấp | Mã số ngạch: |
| 5. Kiểm ngư | |
| a) Kiểm ngư viên chính | Mã số ngạch: |
| b) Kiểm ngư viên | Mã số ngạch: |
| c) Kiểm ngư viên trung cấp | Mã số ngạch: |
| 6. Thuyền viên tàu kiểm ngư | |
| a) Thuyền viên kiểm ngư chính | Mã số ngạch: |
| b) Thuyền viên kiểm ngư | Mã số ngạch: |
| c) Thuyền viên kiểm ngư trung cấp | Mã số ngạch: |

Chương III

TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC KIỂM DỊCH ĐỘNG VẬT

Điều 4. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

- a) Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.
- b) Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.
- c) Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.
- d) Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- đ) Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- e) Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.
- g) Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 5. Ngạch Kiểm dịch viên chính động vật

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ giúp lãnh đạo chủ trì tổ chức và thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật trước khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh Việt Nam và tiêu thụ nội địa; quản lý vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì tổ chức và thực hiện các quy trình về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

b) Tổ chức xây dựng các quy trình kỹ thuật nhằm đảm bảo độ chính xác nhanh cho từng đối tượng kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm soát giết mổ động vật kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

c) Chủ trì tổ chức sự phối hợp giữa các ngành có liên quan và các cơ quan thú y để tổng kết rút kinh nghiệm cho công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

d) Tổng kết, phân tích, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm công đoạn trong kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện quy trình, tiêu chuẩn về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

đ) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra và đề xuất các biện pháp kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, kiểm soát giết mổ.

e) Tham gia hướng dẫn kỹ thuật, tập huấn kỹ thuật cho công chức ngạch dưới.

g) Tổ chức chỉ đạo, xây dựng nề nếp quản lý kỹ thuật thống nhất trong công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

h) Chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học cấp ngành về công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững Pháp luật về thú y và chủ trương, chính sách của Nhà nước có liên quan đến công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

b) Tinh thông các kỹ thuật trong công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

c) Nắm vững các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật để đánh giá các kết quả xét nghiệm, thử nghiệm phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

d) Am hiểu về kỹ thuật, luật thú y của các nước trong vùng và các nước có hợp tác quốc tế với Việt Nam;

đ) Nắm bắt được những thông tin mới trong lĩnh vực kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật trong nước và trên thế giới.

e) Có trình độ tổng hợp nhanh. Thông thạo việc tổ chức và triển khai công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật; có khả năng thu hút cộng tác viên.

g) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp Tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả.

h) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên chính động vật phải có thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên động vật hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên động vật tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành thú y hoặc bệnh học thủy sản, chăn nuôi thú y hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên chính động vật;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 6. Ngạch Kiểm dịch viên động vật

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ giúp lãnh đạo thực hiện kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ trước khi xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, tạm xuất tái nhập, chuyển cửa khẩu, quá cảnh Việt Nam và tiêu thụ nội địa, quản lý vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

2. Nhiệm vụ

a) Đánh giá hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, tình hình dịch bệnh động vật tại nơi xuất phát và tại nơi đến của động vật.

b) Thực hiện việc kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật theo quy định.

c) Kiểm tra việc tổ chức thực hiện các khâu kỹ thuật của kỹ thuật viên kiểm dịch động vật và chịu trách nhiệm về những kết quả kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật.

d) Thực hiện việc kiểm soát giết mổ động vật theo quy trình và giám sát vệ sinh thú y ở các cơ sở giết mổ, sơ chế, bảo quản động vật, sản phẩm động vật.

đ) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật theo luật định.

e) Tuyên truyền và hướng dẫn thi hành pháp luật thú y của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho chủ hàng;

g) Tham gia các đề tài nghiên cứu khoa học về công tác kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, quản lý về vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

h) Lấy mẫu động vật, sản phẩm động vật phục vụ công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

i) Nắm được các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, phương pháp xét nghiệm để phân tích, đánh giá các kết quả xét nghiệm, thử nghiệm phục vụ công tác kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được kiến thức cơ bản về khoa học thú y.

b) Nắm được pháp luật về thú y hiện hành.

c) Cần biết được luật thú y của một số nước trong khu vực.

d) Hiểu biết về tâm lý xã hội, luật pháp của Nhà nước để giải quyết công việc chuyên môn được giao một cách chính xác nhanh gọn.

đ) Biết tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và có khả năng tập hợp tổ chức phối hợp các ngành liên quan để triển khai công việc đạt hiệu quả.

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên động vật phải có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch động vật hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học chuyên ngành thú y hoặc bệnh học thủy sản, chăn nuôi thú y hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên động vật;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày

11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 7. Ngành Kỹ thuật viên kiểm dịch động vật

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trực tiếp thực hiện nội dung kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật và kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật theo quy định đã ban hành.

2. Nhiệm vụ

a) Hỗ trợ Kiểm dịch viên động vật kiểm tra, đánh giá hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật.

b) Kiểm tra, theo dõi tình trạng lâm sàng đối với động vật, thực trạng hàng hóa, cảm quan đối với sản phẩm động vật.

c) Thực hiện phòng, điều trị bệnh động vật trong thời gian cách ly kiểm dịch hoặc cách ly động vật mắc bệnh tại các cơ sở giết mổ động vật.

d) Lấy mẫu động vật, sản phẩm động vật phục vụ công tác kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có nguồn gốc động vật.

đ) Giám sát việc thực hiện các biện pháp vệ sinh thú y trong thời gian cách ly kiểm dịch; trong quá trình giết mổ động vật hoặc sơ chế, chế biến sản phẩm động vật.

e) Pha chế các dung dịch thuốc khử trùng, tiêu độc và thực hiện công việc thuốc khử trùng, tiêu độc theo chỉ định.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được nội dung cơ bản của Pháp luật về thú y hiện hành trong lĩnh vực đảm nhiệm.

b) Nắm được các quy trình kỹ thuật để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

c) Nhận biết được các bệnh thông thường, các biểu hiện khác thường đối với sản phẩm động vật.

d) Hiểu rõ được tính chất, tác dụng của từng loại thuốc phòng, điều trị bệnh dùng để khử trùng, tiêu độc.

đ) Biết giám sát cách ly kiểm dịch, ghi chép kết quả, nhật ký thí nghiệm.

e) Có khả năng điều trị được các bệnh thông thường của động vật.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp Trung cấp trở lên chuyên ngành thú y hoặc bệnh học thủy sản, chăn nuôi thú y hoặc chuyên ngành đào tạo khác phù hợp với yêu cầu trí việc làm.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương IV

TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC NGẠCH KIỂM DỊCH THỰC VẬT

Điều 8. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

a) Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

b) Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

c) Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

d) Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e) Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

g) Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 9. Ngạch Kiểm dịch viên chính thực vật

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, kỹ thuật giúp lãnh đạo chủ trì tổ chức và thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa tại các tổ chức Nhà nước cấp tỉnh, vùng và Trung ương có nhiệm vụ kiểm dịch thực vật.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa của đơn vị, thuộc lĩnh vực được giao

b) Phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh và xác minh các trường hợp nghi ngờ về các dịch hại thuộc diện điều chỉnh mới phát hiện.

c) Điều tra, thu thập số liệu, thông tin; tổng hợp và phân tích các số liệu, thông tin đó, đánh giá tình hình, đúc rút kinh nghiệm về kiểm dịch thực vật trong địa bàn hoặc lĩnh vực được giao, trên cơ sở đó đề xuất chủ trương biện pháp bổ sung, sửa đổi các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

d) Cụ thể hoá các quy định chung về kỹ thuật, nghiệp vụ kiểm dịch thực vật cho phù hợp với điều kiện của địa bàn.

đ) Tham gia xây dựng, bổ sung, sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật về kiểm dịch thực vật. Chủ trì tổ chức thực hiện việc phổ biến, hướng dẫn pháp luật kiểm dịch thực vật, việc phát hiện ngăn ngừa và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cấp trên xử lý những hành vi vi phạm quy định đó.

e) Tham gia xây dựng các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm về kiểm dịch thực vật và ứng dụng tiêu chuẩn, thông lệ quốc tế trong lĩnh vực được phân công.

g) Chủ trì hoặc tham gia kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động xông hơi khử trùng, chiếu xạ và các biện pháp xử lý khác trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

h) Chủ trì hoặc tham gia thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học về kiểm dịch thực vật cấp ngành và tham gia thực hiện đề tài cấp Nhà nước trong lĩnh vực được giao.

i) Tham gia thanh tra về chuyên môn nghiệp vụ kiểm dịch thực vật thuộc lĩnh vực được giao khi có yêu cầu.

k) Tham gia xây dựng mục tiêu, chương trình, nội dung, biên soạn tài liệu và tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm dịch thực vật cho các ngạch công chức cấp dưới.

l) Tổng hợp tình hình, đánh giá, đúc rút kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ trong công tác kiểm dịch thực vật.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ được giao, các chủ trương của ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

b) Nắm vững những quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, pháp luật khác trong và ngoài nước có liên quan.

c) Nắm được đặc điểm sinh học của các dịch hại thuộc diện điều chỉnh.

d) Nắm được tình hình mối quan hệ giữa công tác kiểm dịch thực vật với công tác bảo vệ thực vật, công tác xuất, nhập khẩu, quá cảnh và giao thông, vận tải, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội trong nước có liên quan đến công tác kiểm dịch thực vật

đ) Nắm vững các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm kiểm dịch thực vật và các thông tin khoa học kỹ thuật, nghiệp vụ trong và ngoài nước có liên quan.

e) Nắm vững các thủ tục, nguyên tắc hành chính Nhà nước có liên quan đến hoạt động kiểm dịch thực vật được giao.

g) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp Tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả.

h) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên chính thực vật phải có thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên thực vật hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm dịch viên động vật tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Bảo vệ thực vật, Nông học, Trồng trọt, Cây trồng, Sinh học hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên chính thực vật;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 10. Ngạch Kiểm dịch viên thực vật

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ giúp lãnh đạo tổ chức và thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa tại các tổ chức Nhà nước cấp tỉnh, vùng và Trung ương có nhiệm vụ kiểm dịch thực vật.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch, đề xuất phương án, thực hiện và tổ chức thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh, nội địa của đơn vị thuộc lĩnh vực được giao.

b) Phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh và xác minh các trường hợp nghi ngờ nhiễm dịch hại kiểm dịch thực vật thường gặp.

c) Thực hiện nhiều khâu hoặc toàn bộ qui trình kiểm tra vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật hoặc xuất, nhập khẩu và quá cảnh.

d) Quyết định, giám sát, xác nhận việc thực hiện các biện pháp xử lý đối với vật thể nhiễm dịch (theo phân cấp) và chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định của mình.

đ) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn về pháp luật kiểm dịch thực vật; phát hiện, ngăn ngừa và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất xử lý những hành vi vi phạm quy định của pháp luật đó.

e) Chủ trì đề tài, khảo sát thực nghiệm của đơn vị và tham gia thực hiện đề tài cấp ngành về kiểm dịch thực vật. Đề xuất các nội dung bổ sung, sửa đổi những quy định trong lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật kiểm dịch thực vật được giao.

g) Tham gia kiểm tra việc thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý hoạt động khử trùng xông hơi và các biện pháp xử lý khác trong lĩnh vực bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

h) Hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ kỹ thuật cho ngạch công chức cấp dưới.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước có liên quan đến nhiệm vụ được giao và chủ trương của ngành về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

b) Nắm được những quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và những quy định pháp luật khác có liên quan. Nắm được thông lệ và tiêu chuẩn quốc tế về kiểm dịch thực vật trong lĩnh vực được phân công.

c) Nắm được các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy phạm kiểm dịch thực vật và các thông tin khoa học kỹ thuật có liên quan.

d) Nắm được các thủ tục, nguyên tắc hành chính Nhà nước có liên quan đến hoạt động kiểm dịch thực vật được giao.

đ) Nắm được tình hình kinh tế, xã hội, chính trị có liên quan đến hoạt động kiểm dịch thực vật được giao.

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm dịch viên thực vật phải có thời gian giữ ngạch kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên một trong các chuyên ngành: Bảo vệ thực vật, Nông học, Trồng trọt, Cây trồng, Sinh học hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm dịch viên thực vật;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 11. Ngạch Kỹ thuật viên kiểm dịch thực vật

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất, nhập khẩu, quá cảnh và nội địa được phân công, theo quy trình, quy phạm tại các tổ chức Nhà nước có nhiệm vụ kiểm dịch thực vật từ cấp Trạm trở lên.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện một hoặc nhiều khâu của quy trình điều tra, kiểm tra để phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh.

b) Thực hiện việc lấy mẫu vật thể, lập các loại mẫu thu thập sinh vật gây hại, làm tiêu bản để lưu giữ, chuyên gửi và phân tích giám định các mẫu và tiêu bản đó.

c) Thực hiện một hoặc nhiều khâu của quy trình phân tích giám định hoặc thí nghiệm trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật.

d) Thực hiện việc chuẩn bị dụng cụ, hoá chất để điều tra, kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thí nghiệm trong lĩnh vực kiểm dịch thực vật.

đ) Ghi chép và xử lý ban đầu các số liệu điều tra, kiểm tra, phân tích, giám định hoặc thí nghiệm. Lập hồ sơ kiểm dịch thực vật.

e) Sử dụng, bảo quản, bảo dưỡng các dụng cụ kỹ thuật kiểm dịch thực vật và chịu trách nhiệm cá nhân về các dụng cụ đó.

g) Hướng dẫn công nhân thực hiện những thao tác kỹ thuật đơn giản.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương của ngành về kiểm dịch thực vật và những quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật có liên quan đến nhiệm vụ được giao.

b) Nắm được thủ tục nghiệp vụ và thao tác kỹ thuật điều tra, kiểm tra, phân tích giám định, thí nghiệm được giao.

c) Nắm được đặc điểm hình thái của sinh vật gây hại và dấu hiệu gây hại, lây nhiễm của chúng liên quan đến việc phát hiện dịch hại thuộc diện điều chỉnh thường gặp.

d) Nắm được tính năng, tác dụng và cách sử dụng bảo quản hoá chất, dụng cụ dùng cho điều tra, kiểm tra, phân tích, giám định, thí nghiệm được giao thực hiện.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp Trung cấp trở lên một trong các chuyên ngành: Bảo vệ thực vật, Nông học, Trồng trọt, Cây trồng, Sinh học hoặc chuyên ngành khác theo yêu cầu của vị trí việc làm.

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương V

TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC NGẠCH KIỂM SOÁT VIÊN ĐỀ ĐIỀU

Điều 12. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

a) Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

b) Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

c) Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

d) Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e) Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

g) Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 13. Ngạch Kiểm soát viên chính đê điều

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Giám đốc Sở (hoặc Thủ trưởng đơn vị được Giám đốc Sở ủy quyền) kiểm soát, đôn đốc thực hiện các vấn đề kỹ thuật phức tạp trong việc quản lý đê và hộ đê trong phạm vi địa bàn được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Thẩm tra việc chỉnh biên tư liệu, các hồ sơ lý lịch đê, kè, cống và quá trình diễn biến của lòng dẫn hoặc bãi biển do Hạt quản lý đê thực hiện.

b) Thẩm tra kết quả phân tích, đánh giá hiện trạng đê, kè, cống và những kiến nghị về biện pháp gia cố, tu bổ công trình. Đề xuất các giải pháp kỹ thuật và các phương án thích hợp cho việc gia cố, tu bổ đê điều trong phạm vi Hạt quản lý.

c) Thẩm tra phương án bảo vệ các trọng điểm chống lụt, bão do các huyện lập. Chủ trì việc lập lương án bảo vệ các trọng điểm thuộc trách nhiệm của đơn vị mình phụ trách.

d) Chủ trì xác định nguyên nhân, đề xuất biện pháp và tham gia chỉ đạo kỹ thuật xử lý khi đê, kè, cống xảy ra sự cố phức tạp theo sự phân công của Hạt trưởng.

đ) Kiểm tra xác định mức độ ảnh hưởng đến an của toàn đê, kè, cống trong trường hợp xảy ra hành vi vi phạm nghiêm trọng Luật Đê điều. Xử lý các vi phạm pháp luật về đê điều.

e) Chủ trì biên soạn tài liệu và trực tiếp huấn luyện kỹ thuật, nghiệp vụ quản lý và hộ đê cho lực lượng chuyên trách quản lý đê.

g) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý bảo vệ đê điều.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững Luật Đê điều, Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão và các văn bản pháp quy khác liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ đê điều.

b) Nắm vững các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng, tu bổ, quản lý và hộ đê.

c) Nắm vững tính năng, tác dụng và nguyên tắc quản lý sử dụng vật tư dự trữ chống lụt bão. Biết cách sử dụng các loại vật liệu tại chỗ thay thế.

d) Hiểu rõ đặc điểm của lũ, bão ở Việt Nam và những chủ trương, biện pháp phòng, chống lụt, bão của Nhà nước cũng như của tỉnh.

đ) Năm vững hiện trạng đê, kè, cống trong tỉnh. Hiểu rõ sự phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước đối với hệ thống đê điều.

e) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp Tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả.

g) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm soát viên chính đê điều phải có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên đê điều hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm soát viên đê điều tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học thủy lợi hoặc các chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm soát viên chính đê điều;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 14. Ngạch Kiểm soát viên đê điều

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Lãnh đạo Hạt Quản lý đê chủ trì tổ chức thực hiện, kiểm soát, đôn đốc việc chấp hành các nội dung quy định của Luật Đê điều, các chế độ, thể lệ khác có liên quan đến quản lý đê và hộ đê trong phạm vi địa bàn được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Lập, chỉnh biên và thường xuyên bổ sung nhằm hoàn thiện hồ sơ lý lịch đê, kè, cống và quá trình diễn biến của lòng dẫn hoặc bãi biển thuộc phạm vi được giao.

b) Phát hiện kịp thời mọi diễn biến của đê, kè, cống, dòng chảy, bờ sông, bãi biển, xác định nguyên nhân, đề xuất phương án và trực tiếp tổ chức thực hiện việc xử lý các sự cố.

c) Kiểm tra phát hiện, ngăn chặn, lập biên bản và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm đến an toàn của đê, kè, cống.

d) Phân tích, đánh giá hiện trạng của đê, kè, cống phát hiện mức độ kém ổn định của công trình. Đề xuất biện pháp gia cố, tu bổ công trình, tham gia giám sát thi công và nghiệm thu các hạng mục công trình thuộc địa bàn được giao.

đ) Tham gia giám sát thi công và nghiệm thu các hạng mục xây dựng, gia cố, tu bổ đê, kè, cống thuộc địa bàn được giao theo sự phân công của cấp trên.

e) Tổ chức quản lý các loại vật tư dự trữ chống lụt, bão hiện có trên địa bàn được giao.

g) Trực tiếp huấn luyện kỹ thuật cho các lực lượng hộ đê và hướng dẫn xử lý các sự cố phức tạp theo sự phân công của Hạt.

h) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý bảo vệ đê điều.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững Luật Đê điều, Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão và các văn bản pháp quy khác liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ đê điều.

b) Nắm vững các tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng, tu bổ, quản lý và hộ đê.

c) Nắm vững tính năng, tác dụng và nguyên tắc quản lý sử dụng vật tư dự trữ chống lụt bão.

d) Hiểu khái quát đặc điểm của lũ, bão ở Việt Nam và những biện pháp phòng, chống lụt, bão thích hợp với địa phương mình.

đ) Hiểu và nắm vững hiện trạng đê, kè, cống thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và sự phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về đê điều.

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm soát viên đê điều phải có thời gian giữ ngạch kiểm soát viên trung cấp đê điều hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng:

a) Tốt nghiệp đại học thuy lợi hoặc các chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm soát viên đê điều;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại

ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 15. Ngạch Kiểm soát viên trung cấp đê điều

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Lãnh đạo Hạt Quản lý đê kiểm soát, đôn đốc việc chấp hành các nội dung quy định của Luật Đê điều, các chế độ, thể lệ khác có liên quan đến quản lý đê và hộ đê trong phạm vi địa bàn được phân công.

2. nhiệm vụ

a) Thu thập các tư liệu để bổ sung hồ sơ lý lịch đê, kè, cống và quá trình diễn biến của lòng dẫn hoặc bãi biển thuộc phạm vi được giao.

b) Phát hiện và báo cáo kịp thời với cấp trên mọi diễn biến của đê, kè, cống, dòng chảy, bờ sông, bãi biển. Trực tiếp hướng dẫn lực lượng hộ đê xử lý các sự cố thông thường của đê, kè, cống thuộc địa bàn được giao và tham gia hướng dẫn xử lý sự cố phức tạp theo sự phân công của cấp trên.

c) Kiểm tra, ngăn chặn, phát hiện, lập biên bản và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi xâm phạm đến an toàn của đê, kè, cống.

d) Tham gia giám sát thi công và nghiệm thu các hạng mục xây dựng, gia cố, tu bổ đê, kè, cống thuộc địa bàn được giao theo sự phân công của cấp trên.

đ) Quản lý các loại vật tư dự trữ chống lụt, bão hiện có trên địa bàn được giao.

e) Tuyên truyền, giáo dục pháp luật về đê điều, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý bảo vệ đê điều.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Hiểu và nắm được nội dung chủ yếu của Luật Đê điều, Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão và các văn bản pháp quy khác liên quan đến lĩnh vực quản lý bảo vệ đê điều.

b) Hiểu và nắm được một số tiêu chuẩn Việt Nam, tiêu chuẩn ngành, quy trình, quy phạm kỹ thuật liên quan đến việc xây dựng, tu bổ, quản lý và xử lý các sự cố của đê, kè, cống.

c) Hiểu tính năng, tác dụng và nguyên tắc quản lý sử dụng vật tư dự trữ chống lụt bão.

d) Hiểu được khái quát đặc điểm của lũ, bão ở Việt Nam và những biện pháp thường áp dụng ở địa phương mình.

đ) Hiểu và nắm được hiện trạng đê, kè, công thuộc phạm vi quản lý của đơn vị và sự phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý Nhà nước về đê điều.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp Trung cấp thủy lợi hoặc các ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

CHƯƠNG VI

TIÊU CHUẨN NGHIỆP VỤ CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC KIỂM LÂM

Điều 16. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

3. Tiêu chuẩn về phẩm chất

a) Đạt các yêu cầu về phẩm chất đối với người cán bộ, công chức được quy định tại Luật Cán bộ, công chức.

b) Có tinh thần dũng cảm, mưu trí đấu tranh chống lại hành vi phá hoại để bảo vệ rừng.

c) Có trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

d) Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

đ) Nêu cao tinh thần phục vụ nhân dân, lắng nghe ý kiến của nhân dân để tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng; phối hợp chặt chẽ với các cơ quan hữu quan để hoàn thành nhiệm vụ.

e) Có tinh thần chí công vô tư, trung thực; có thái độ niềm nở, lễ độ, khiêm tốn khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 17. Ngạch Kiểm lâm viên chính

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Kiểm lâm, giúp lãnh đạo cơ quan Kiểm lâm ở Trung ương hoặc ở địa phương tổ chức thực hiện một hoặc

nhiều lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ về bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên phạm vi toàn Quốc và cấp tỉnh.

2. Nhiệm vụ

a) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức triển khai và thực hiện một hoặc nhiều lĩnh vực trong công tác nghiệp vụ chuyên môn về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

b) Chủ trì hoặc tham gia xây dựng các phương án, chương trình, kế hoạch thuộc lĩnh vực công tác được phân công, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

c) Tham gia xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác được giao.

d) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và xử lý theo quy định của pháp luật đối với những vụ việc có quy mô lớn và có tính chất phức tạp.

đ) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức và hướng dẫn kiểm tra nghiệp vụ của ngành Kiểm lâm và tham mưu đề xuất các biện pháp điều chỉnh, uốn nắn trong hệ thống ngành Kiểm lâm nhằm đảm bảo tổ chức chặt chẽ, có hiệu lực và hiệu quả.

e) Thực hiện việc tham gia phối hợp nghiệp vụ với các cơ quan hữu quan (chấp hành pháp luật, nghiên cứu, quản lý...) khi triển khai thực hiện công tác bảo vệ và quản lý rừng trong phạm vi tỉnh, vùng, cả nước.

g) Chủ trì hoặc tham gia tổ chức nghiên cứu, áp dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

h) Biên soạn hoặc tham gia biên soạn tài liệu, giáo trình nghiệp vụ của ngành Kiểm lâm, tham gia giảng dạy các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho công chức Kiểm lâm.

i) Nghiên cứu và phân tích các hoạt động của ngành Kiểm lâm trên toàn quốc và các tỉnh có diện tích rừng lớn, đề xuất các biện pháp tổ chức, chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu lực quản lý và hiệu quả công tác của ngành Kiểm lâm.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Chủ trì hoặc phối hợp triển khai có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

b) Tổ chức phối hợp hiệu quả với các cơ quan hữu quan khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

c) Thực hiện được việc hướng dẫn và kiểm tra công tác nghiệp vụ kiểm lâm cho các thành viên khác trong cơ quan.

d) Có năng lực tổng hợp, khái quát các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn của ngành Kiểm lâm để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ rừng.

đ) Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học phục vụ công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

e) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án được Hội đồng khoa học cấp Bộ hoặc cấp Tỉnh công nhận và đưa vào sử dụng có hiệu quả.

g) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm lâm viên chính phải có thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên hoặc ngạch tương đương từ 5 năm (60 tháng) trở lên, trong đó thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên tối thiểu 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên chính;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 18. Ngạch Kiểm lâm viên

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Kiểm lâm, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm lâm ở Trung ương hoặc địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản tại địa bàn được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

b) Theo dõi, báo cáo kịp thời việc thực hiện nhiệm vụ quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trong phạm vi được phân công.

c) Xây dựng phương án, kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra, phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng chống các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng, phát triển rừng và kinh doanh lâm sản.

d) Tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về lâm nghiệp cho cộng đồng dân cư trong địa bàn được phân công.

đ) Hướng dẫn xây dựng và giám sát việc thực hiện quy ước, hương ước bảo vệ và phát triển rừng trong địa bàn được phân công.

e) Tham gia cùng địa phương và các lực lượng bảo vệ pháp luật khác phòng, chống các biểu hiện chặt, phá rừng trong địa bàn được phân công.

g) Kiểm tra, phát hiện và xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật về quản lý rừng, bảo vệ rừng, quản lý lâm sản theo đúng nhiệm vụ được phân công, đúng thẩm quyền.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có khả năng độc lập chủ động làm việc.

b) Thực hiện được công tác tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra trong công tác quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

c) Tập hợp và tổ chức phối hợp được với các cơ quan có liên quan thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

d) Có khả năng giao tiếp ứng xử tốt khi tiếp xúc với cá nhân và tổ chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công.

đ) Tổ chức và phối hợp giải quyết được các vi phạm pháp luật liên quan đến quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản theo đúng quy trình, thủ tục pháp luật.

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm lâm viên phải có thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên trung cấp hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng). Trường hợp đang giữ ngạch kiểm lâm viên sơ cấp thì thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên sơ cấp hoặc tương đương tối thiểu là 5 năm (60 tháng).

4. Trình độ

a) Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành Lâm nghiệp hoặc chuyên ngành khác phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày

11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 19. Ngạch Kiểm lâm viên trung cấp

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ của ngành Kiểm lâm, giúp lãnh đạo cơ quan Kiểm lâm cấp huyện thực hiện một số công việc thuộc lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản trên theo quy định của pháp luật.

2. Nhiệm vụ

a) Hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng rừng của chủ rừng theo dự án quy hoạch, quy trình kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Thực hiện tuần tra, kiểm tra các hành vi vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng trên địa bàn được giao theo dõi.

c) Tiến hành điều tra, thu thập tình hình và báo cáo kịp thời lên cấp trên trực tiếp về các hành vi hoạt động phá hoại rừng và buôn lậu lâm sản trên địa bàn được giao theo dõi.

d) Tuyên truyền và tham gia vận động quần chúng nhân dân thực hiện các quy định về pháp luật về lâm nghiệp.

đ) Ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng, lập biên bản, hồ sơ ban đầu về các vụ vi phạm, bảo vệ hiện trường, tang vật, phương tiện vận chuyển lâm sản trái phép.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Độc lập thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, điều tra nắm tình hình về công tác quản lý rừng, quản lý lâm sản, phá hoại rừng, buôn lậu lâm sản.

b) Có phương pháp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia quản lý rừng, quản lý lâm sản.

c) Thành thạo nghiệp vụ Kiểm lâm và quản lý lâm sản.

d) Thành thạo các nguyên tắc, các thủ tục hành chính trong xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý rừng, quản lý lâm sản.

đ) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm lâm viên trung cấp phải có thời gian giữ ngạch kiểm lâm viên sơ cấp hoặc tương đương tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng trở lên chuyên ngành Lâm nghiệp hoặc chuyên ngành đào tạo khác phù hợp với yêu cầu trí việc làm.

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước ngạch kiểm lâm viên trung cấp;

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT

ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 20. Ngạch Kiểm lâm viên sơ cấp

1. Chức trách

Là công chức thừa hành, kiểm tra và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể thuộc công tác bảo vệ rừng và quản lý lâm sản do lãnh đạo giao trong phạm vi được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Thực hiện theo dõi, kiểm tra chặt chẽ tài nguyên rừng, đất rừng trong phạm vi được phân công.

b) Kiểm tra, theo dõi việc sử dụng rừng của các chủ rừng theo dự án, theo quy hoạch, quy trình, quy phạm kỹ thuật đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Thường xuyên thực hiện việc tuần tra, kiểm tra, kiểm soát để phát hiện các hành động phá rừng, săn bắt chim thú rừng và vận chuyển lâm sản trái phép.

d) Kiểm tra, phát hiện các hiện tượng sâu bệnh hại rừng, cháy rừng, tiến hành xử lý ban đầu và báo cáo lên cấp có thẩm quyền xem xét xử lý.

d) Theo dõi việc sử dụng nương rẫy và đất rừng nhằm bảo vệ rừng tốt.

e) Ngăn chặn những hành động vi phạm về quản lý, khai thác rừng và lập biên bản hồ sơ ban đầu về các vụ vi phạm Luật Bảo vệ và Phát triển rừng. Đo đếm, xác định khối lượng, quy cách, phẩm chất lâm sản và động vật rừng trong phạm vi được phân công.

g) Giữ nguyên hiện trường, tang vật phạm pháp.

h) Tham gia vận động nhân dân bảo vệ rừng và làm công tác phổ cập lâm nghiệp.

i) Quản lý bổ sung các hồ sơ lâm bạ và vào sổ theo dõi diễn biến rừng.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có khả năng độc lập thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, điều tra nắm tình hình về công tác quản lý rừng, quản lý lâm sản, phá hoại rừng, buôn lậu lâm sản.

b) Nắm được các nguyên tắc, các thủ tục hành chính trong xử lý các vi phạm pháp luật về quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

c) Tuyên truyền và vận động có hiệu quả nhân dân tham gia quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

4. Trình độ

- a) Tốt nghiệp trung học phổ thông.
- b) Qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản lý và phát triển rừng.
- c) Hoàn thành lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ Kiểm lâm ngạch Kiểm lâm viên sơ cấp.
- d) Sử dụng được một ngôn ngữ của dân tộc thiểu số.

Chương VII

TIÊU CHUẨN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC

KIỂM NGƯ VIÊN

Điều 21. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

- a) Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.
- b) Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.
- c) Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.
- d) Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.
- đ) Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- e) Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.
- g) Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 22. Kiểm ngư viên chính

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư tổ chức thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản trên các vùng biển Việt Nam thuộc thẩm quyền quản lý.

2. Nhiệm vụ

- a) Chủ trì tổ chức triển khai và thực hiện một số lĩnh vực trong công tác chuyên môn về kiểm ngư và thanh tra chuyên ngành thủy sản.
- b) Tham gia xây dựng hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác được giao.
- c) Chủ trì và tổ chức thực hiện việc tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra và xử lý theo quy định của pháp luật đối với những vụ việc có quy mô lớn và có tính chất phức tạp.
- d) Chủ trì tổ chức và hướng dẫn kiểm tra nghiệp vụ về kiểm ngư; đề xuất các biện pháp tổ chức, chỉ đạo nâng cao hiệu quả quản lý và công tác của lực lượng kiểm ngư.

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan khi triển khai thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản.

e) Tham gia hoặc chủ trì tổ chức nghiên cứu, áp dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

g) Tham gia hoặc chủ trì biên soạn tài liệu giảng dạy và tài liệu hướng dẫn, đồng thời tổ chức bồi dưỡng, phổ biến kinh nghiệm cho kiểm ngư viên và thuyền viên tàu kiểm ngư.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm vững phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan.

b) Chủ trì và triển khai có hiệu quả các hoạt động nghiệp vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản.

c) Tổ chức phối hợp hiệu quả với các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

d) Thực hiện được việc hướng dẫn và kiểm tra công tác nghiệp vụ kiểm ngư cho các thành viên khác trong lực lượng kiểm ngư.

đ) Nắm chắc kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên.

e) Có năng lực tổng hợp, khái quát các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn để đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác kiểm ngư.

g) Có khả năng độc lập nghiên cứu khoa học phục vụ công tác kiểm ngư và thanh tra chuyên ngành thủy sản.

đ) Chủ trì hoặc tham gia công trình, đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực kiểm ngư được áp dụng có hiệu quả trong thực tiễn.

e) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm ngư viên chính phải có thời gian giữ ngạch kiểm ngư viên hoặc tương đương tối thiểu là 5 năm (60 tháng), trong đó có thời gian giữ ngạch kiểm ngư viên tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch kiểm ngư viên chính.

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 23. Kiểm ngư viên

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản theo lĩnh vực nghiệp vụ được phân công.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng phương án, kế hoạch tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thanh tra chuyên ngành thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

b) Tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về chuyên môn thuộc lĩnh vực công tác được giao.

c) Thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản theo nhiệm vụ được phân công.

d) Tham gia thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế về thủy sản, hướng dẫn ngư dân và các tổ chức, cá nhân hoạt động trên các vùng biển thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thủy sản.

đ) Phối hợp với các cơ quan có liên quan khi triển khai thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản.

e) Tham gia nghiên cứu, áp dụng, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm được phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan.

b) Nắm được quy trình các bước thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hành vi vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản.

c) Triển khai phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao.

d) Nắm vững kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên.

đ) Có khả năng giao tiếp, ứng xử khi tiếp xúc với cá nhân và tổ chức trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân công.

e) Tổ chức và phối hợp để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản theo đúng quy trình, thủ tục pháp luật.

đ) Công chức dự thi nâng ngạch kiểm ngư viên phải có thời gian giữ ngạch kiểm ngư viên trung cấp tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch kiểm ngư viên.

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 24. Kiểm ngư viên trung cấp

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn trong cơ quan kiểm ngư, tham gia thực hiện một số công việc thuộc lĩnh vực nghiệp vụ kiểm ngư.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia góp ý xây dựng, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật về chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực công tác được giao.

b) Tham gia thực hiện tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên vùng biển được phân công theo quy định của pháp luật.

c) Thu thập tình hình và báo cáo kịp thời về các hành vi vi phạm pháp luật thủy sản của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hoạt động thủy sản trên vùng biển được phân công.

d) Tham gia tuyên truyền, vận động ngư dân tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động thủy sản.

đ) Tham gia phối hợp với các lực lượng tuần tra, thanh tra, kiểm tra, kiểm soát của các Bộ, ngành và địa phương trong việc phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm được phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan.

b) Nắm được quy trình thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm pháp luật và thanh tra chuyên ngành thủy sản.

c) Có khả năng tham gia phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản theo đúng quy trình, thủ tục của pháp luật.

d) Nắm được kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Đã qua lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước và nghiệp vụ ngạch kiểm ngư viên trung cấp.

b) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương VIII

TIÊU CHUẨN CÁC NGẠCH CÔNG CHỨC

THUYỀN VIÊN TÀU KIỂM NGƯ

Điều 25. Tiêu chuẩn chung về phẩm chất

3. Tiêu chuẩn về phẩm chất

a) Bản lĩnh chính trị vững vàng, không dao động trước những khó khăn, thử thách, luôn kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; luôn đặt lợi ích của Tổ quốc, của Đảng, của nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

b) Có tinh thần trách nhiệm cao, luôn tuân thủ pháp luật và thận trọng trong thực thi công vụ.

c) Không lợi dụng danh nghĩa, chức vụ, quyền hạn để mưu cầu lợi ích cá nhân.

d) Chấp hành nội quy của cơ quan, chấp hành sự phân công của thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị.

đ) Thường xuyên nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

e) Có lối sống trong sạch, lành mạnh, có kỷ cương, kỷ luật, gương mẫu, đi đầu trong công tác; không quan liêu, tham nhũng, lãng phí và kiên quyết đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí và các tiêu cực khác.

g) Trung thực, khách quan, công tâm, công bằng, dân chủ; có thái độ tôn trọng khi tiếp xúc với nhân dân.

Điều 26. Thuyền viên kiểm ngư chính

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư thực hiện kế hoạch tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam và thực hiện nhiệm vụ quản lý, sử dụng tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động của tàu, kế hoạch sửa chữa tàu; đề xuất các biện pháp sử dụng tàu và quản lý thuyền viên an toàn, hiệu quả.

b) Thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

c) Điều hành tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn và hiệu quả; quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị cho tàu.

hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện nhiệm vụ sử dụng tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn, hiệu quả.

2. Nhiệm vụ

a) Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động của tàu, kế hoạch sửa chữa tàu; đề xuất các biện pháp sử dụng tàu và quản lý thuyền viên an toàn, hiệu quả.

b) Tham gia thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

c) Điều hành tàu kiểm ngư đảm bảo an toàn và hiệu quả; quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ được trang bị cho tàu.

d) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào công tác vận hành tàu.

đ) Tham gia công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm vững phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan.

b) Nắm được nghiệp vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện, ngăn ngừa và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản.

c) Nắm được kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên của cấp có thẩm quyền.

d) Nắm vững hoạt động của tàu thuyền, nghề nghiệp trên vùng biển làm nhiệm vụ kiểm tra.

đ) Nắm vững toàn bộ các đặc tính hoạt động của tàu kiểm ngư.

e) Có kinh nghiệm đi biển; biết phân tích, đánh giá tình hình thời tiết và khí tượng thủy văn phục vụ công tác chuyên môn.

đ) Công chức dự thi nâng ngạch thuyền viên kiểm ngư phải có thời gian giữ ngạch thuyền viên kiểm ngư trung cấp tối thiểu là 3 năm (36 tháng).

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp đại học trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ thuyền viên kiểm ngư.

c) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 2 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ tiếng dân tộc đối với những vị trí việc làm yêu cầu sử dụng tiếng dân tộc;

d) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Điều 28. Thuyền viên kiểm ngư trung cấp

1. Chức trách

Là công chức chuyên môn, nghiệp vụ trong cơ quan kiểm ngư, giúp lãnh đạo cơ quan kiểm ngư thực hiện một số nghiệp vụ trong quá trình vận hành tàu

kiểm ngư tham gia tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về thủy sản trên các vùng biển Việt Nam.

2. Nhiệm vụ

a) Thi hành mệnh lệnh của lãnh đạo trực tiếp.

b) Tham gia thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm tra, kiểm soát, thanh tra chuyên ngành về bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

c) Tham gia công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.

d) Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ tiên tiến vào công tác vận hành tàu.

đ) Sử dụng, bảo dưỡng đúng quy trình kỹ thuật đối với các trang thiết bị trên tàu.

e) Thực hiện các nhiệm vụ khác khi được phân công.

3. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm được chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nắm được phương hướng phát triển của ngành về lĩnh vực quản lý và các nghiệp vụ liên quan.

b) Nắm được quy trình tuần tra, kiểm tra, kiểm soát và thanh tra chuyên ngành thủy sản.

c) Có kiến thức về an ninh, quốc phòng trên biển liên quan đến hoạt động của tàu và thuyền viên.

d) Nắm vững các đặc tính hoạt động của tàu kiểm ngư.

đ) Có khả năng đi biển.

4. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Tốt nghiệp trung cấp trở lên, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu vị trí việc làm.

b) Đã qua lớp đào tạo nghiệp vụ thuyền viên kiểm ngư trung cấp.

c) Đã có thời gian làm việc trên tàu từ 06 tháng trở lên.

d) Có chứng chỉ ngoại ngữ với trình độ tương đương bậc 1 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

đ) Có chứng chỉ tin học với trình độ đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.

Chương IX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 29. Tổ chức thực hiện

Thông tư này là căn cứ để các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện việc tuyên dụng, sử dụng và quản lý đội ngũ công chức chuyên ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm...

2. Bãi bỏ tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức quy định tại Quyết định số 413/TCCP-VC ngày 29/5/1993 của Ban Tổ chức - cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ) về tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Thủy lợi; Quyết định số 417/TCCP - VC về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành Nông nghiệp-công nghiệp thực phẩm; Quyết định số 09/2006/QĐ-BNV ngày 05/10/2006 của Bộ Nội vụ về chức danh, mã số và tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức ngành kiểm lâm; Thông tư số 02/2014/TT-BNV ngày 01/4/2014 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch, tiêu chuẩn các ngạch công chức kiểm ngư viên, thuyền viên tàu kiểm ngư.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo; Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Sở Nội vụ các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ Nội vụ: Bộ trưởng, Thứ trưởng, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử Bộ Nội vụ;
- Lưu: VT, CCVC.

KT. BỘ TRƯỞNG

THỨ TRƯỞNG